

Số: 02 /2024/NQ-ĐHĐCĐ

Sóc Trăng, ngày 16 tháng 8 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

(Phiên họp ngày 16/8/2024)

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường (lần thứ 02) ngày 16/5/2024;

Căn cứ Biên bản phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng ngày 16/8/2024.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các Báo cáo:

1. Báo cáo số 381/BC-CN ngày 08/7/2024 của Tổng giám đốc về hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024, trong đó điều chỉnh nội dung tại trang 4: “ - Tổng doanh thu năm 2023 tăng 3,65% so với năm 2022 và đạt 98,83% kế hoạch năm 2023 ” THÀNH “ - Tổng doanh thu năm 2023 tăng 5,73% so với năm 2022 và đạt 101% kế hoạch năm 2023 ”

2. Báo cáo số 382/BC-HĐQT ngày 08/7/2024 của Hội đồng quản trị về công tác quản trị và hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023, trong đó:

“Kế hoạch trong thời gian tới Hội đồng quản trị sẽ thực hiện việc chia cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/5/2024 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 (lần thứ 2) Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng”.

3. Báo cáo số 383/BC-BKS ngày 08/7/2024 của Ban kiểm soát về hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2023 và tóm tắt báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

Điều 2. Thông qua các Tờ trình:

1. Tờ trình số 384/TTr-HĐQT ngày 08/7/2024 của Hội đồng quản trị về báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán.

2. Tờ trình số 385/TTr-HĐQT ngày 08/7/2024 của Hội đồng quản trị về kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 với các chỉ tiêu như sau:

“- Sản lượng nước thương phẩm: 23.200.000 m³.

- Tổng doanh thu: 227.000.000.000 đồng.
- Lợi nhuận: 40.000.000.000 đồng. ”

3. Tờ trình số 386/TTr-HĐQT ngày 08/7/2024 của Hội đồng quản trị về quyết toán thù lao năm 2023 và Kế hoạch thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

4. Tờ trình số 387/TTr-HĐQT ngày 08/7/2024 của Hội đồng quản trị về phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng, trong đó:

“I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023:

Stt	Nội dung	Tỷ lệ
1	Trích quỹ đầu tư phát triển	30,00%
2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (tương đương 2,5 tháng lương thực hiện của người lao động năm 2023)	15,96%
3	Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (tương đương 1,5 tháng lương, thù lao thực hiện của Ban điều hành năm 2023)	1,05%
4	Chia cổ tức	52,99%

Hình thức chi trả cổ tức: Nhận tiền mặt tại Công ty hoặc chuyển khoản

II. Kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024:

1. Chia cổ tức: Tối đa bằng 53% Lợi nhuận.
2. Trích các quỹ tối đa bằng 47% Lợi nhuận, trong đó:
 - Trích quỹ đầu tư phát triển: 30% Lợi nhuận;
 - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 16% Lợi nhuận (tối đa không quá 03 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động Công ty năm 2024);
 - Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành: 1% Lợi nhuận (tối đa không quá 1,5 tháng lương, thù lao bình quân thực hiện của Người quản lý, điều hành Công ty năm 2024) ”.

5. Tờ trình số 388/TTr-HĐQT ngày 08/7/2024 của Hội đồng quản trị về Kế hoạch đầu tư các dự án, công trình cấp nước năm 2024, trong đó bổ sung nội dung: “*Chú trọng đầu tư cải tạo hệ thống cấp nước đảm bảo chỉ tiêu nước sạch theo quy chuẩn*”.

6. Tờ trình số 389/TTr-BKS ngày 08/7/2024 của Ban kiểm soát về lựa chọn đơn vị kiểm toán cho Báo cáo tài chính năm 2024 trong đó:



“Chọn đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C làm đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng trong năm tài chính 2024”.

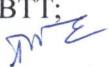
7. Tờ trình số 390/TTr-HĐQT ngày 08/7/2024 của Hội đồng quản trị về Quy chế nội bộ về quản trị Công ty.

8. Tờ trình số 391/TTr-HĐQT ngày 08/7/2024 của Hội đồng quản trị về Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị.

9. Tờ trình số 392/TTr- BKS ngày 08/7/2024 của Ban kiểm soát về Quy chế hoạt động Ban kiểm soát.

Điều 3. Nghị quyết có hiệu lực từ ngày ký. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban điều hành, các cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng và các cá nhân, đơn vị có liên quan có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- UBCKNN, Sở GD&ĐT Hà Nội;
- UBND tỉnh ST;
- Đăng web Cty & CBTT;
- Lưu: HS, ĐHCĐ. 

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỌA



Trần Anh Hòa



BÁO CÁO

Hoạt động sản xuất, kinh doanh năm 2023 và Phương hướng nhiệm vụ năm 2024

A. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2023

I. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
- Tên viết tắt: SOCTRANGWACO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2200107297 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Sóc Trăng cấp lần đầu ngày 23/12/2009, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 31/5/2024.
- Vốn điều lệ: 158.631.330.000 đồng (Một trăm năm mươi tám tỷ, sáu trăm ba mươi một triệu, ba trăm ba mươi ngàn đồng).
- Địa chỉ: Số 16 Nguyễn Chí Thanh, phường 6, tp. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng
- Số điện thoại: (0299) 3820 943 - Số fax: (0299) 3821278
- Website: www.soctrangwaco.vn - Email: info@soctrangwaco.vn
- Mã cổ phiếu: STW

II. Kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh

1. Sản lượng và doanh thu của từng hoạt động sản xuất

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Năm 2023		Tỷ lệ (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	So với 2022	So với KH
I	Sản lượng SXKD						
1.	Nước thương phẩm	m ³	21.549.871	22.600.000	22.345.528	103,69	98,87
2.	Số lượng khách hàng	hộ	97.604	100.104	99.709	102,15	99,61
3.	Nước đóng chai						
3.1	Bình 20 lít	bình	283.760		274.959	96,89	
3.2	Bình 5 gallon	bình	30.718		31.020	100,98	
3.3	Lốc 24 chai (350ml)	lốc	14.485		13.378	92,36	
3.4	Lốc 24 chai (500ml)	lốc	2.760		2.028	73,48	
3.5	Thùng 24 chai (350ml)	thùng	0		133	133	
II	Tỷ lệ thất thoát	%	12,44	<13,00	12,40		
III	Tổng doanh thu	đồng	207.287.813.004	216.968.000.000	219.166.470.584	105,73	101,01
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	đồng	203.527.992.874	213.468.000.000	210.960.201.679	103,65	98,83
1.1	Cấp nước	"	197.060.900.479	206.498.000.000	204.362.206.187	103,71	98,97
1.2	Lắp đặt	"	2.564.062.791	2.500.000.000	2.879.975.165	112,32	115,20

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện năm 2022	Năm 2023		Tỷ lệ (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	So với 2022	So với KH
1.3	Nước đóng chai	“	3.723.044.483	4.270.000.000	3.697.720.186	99,32	86,60
1.4	Khác	“	179.985.121	200.000.000	20.300.141	11,28	10,15
2.	Doanh thu tài chính	đồng	1.374.418.127	1.500.000.000	6.418.614.627	467,01	427,9
3.	Thu nhập khác	đồng	2.385.402.003	2.000.000.000	1.787.654.278	74,94	89,38

- Như vậy, tổng doanh thu đạt 219.166.470.584 đồng, tăng 5,73% so với năm 2022 và đạt 101,01% so với kế hoạch.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 210.960.201.679 đồng, tăng 3,65% so với năm 2022 và đạt 98,83% so với kế hoạch.

Trong đó:

- + Doanh thu cấp nước: 204.362.206.187 đồng, chiếm 96,87%.
- + Doanh thu lắp đặt: 2.879.975.165 đồng, chiếm 1,37%.
- + Doanh thu nước đóng chai: 3.697.720.186 đồng, chiếm 1,75%.
- + Doanh thu khác: 20.300.141 đồng, chiếm 0,01%.

2. Kết quả thực hiện kế hoạch của các đơn vị

TT	Đơn vị	ĐVT	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2023	Tỷ lệ (%) so KH	Thực hiện 2022	Tỷ lệ (%) so 2022
Sản lượng nước thương phẩm toàn công ty		m ³	22.345.528	22.600.000	98,87	21.549.871	103,69
1	Nguyễn Chí Thanh	m ³	8.166.078	8.300.000	98,39	7.518.183	108,62
2	Phú Lợi	"	5.540.429	5.725.000	96,78	5.294.033	104,65
3	Mỹ Xuyên	"	1.284.222	1.300.000	98,79	1.234.184	104,05
4	Vĩnh Châu	"	1.258.993	1.260.000	99,92	1.121.919	112,22
5	Long Phú	"	732.857	742.000	98,77	685.991	106,83
6	Mỹ Tú	"	551.896	517.000	106,75	485.369	113,71
7	Trần Đề	"	1.380.260	1.400.000	98,59	1.325.158	104,16
8	Đại Ngãi	"	659.174	650.000	101,41	584.187	112,84
9	Kế Sách	"	1.020.781	996.000	102,49	918.621	111,12
10	Thanh Trị	"	1.066.445	1.058.000	100,80	931.789	114,45
11	Ngã Năm	"	684.393	652.000	104,97	563.805	121,39

Sản lượng nước thương phẩm toàn công ty năm 2023 tăng 3,69% so với năm 2022, đạt 98,87% so với kế hoạch. Trong đó, có 11/11 đơn vị có sản lượng tăng so với năm 2022 và 06/11 đơn vị không hoàn thành chỉ tiêu giao năm 2023.

Tỷ lệ thất thoát toàn công ty cuối năm 2023 là 12,40%. So với năm 2022, tỷ lệ từ 12,44% giảm còn 12,40%. Trong đó:

- Đơn vị có tỷ lệ thất thoát thấp nhất năm 2023 là XNCN Kế Sách 9,18% (năm 2022 là 10,52%)

- Đơn vị có tỷ lệ thất thoát cao nhất năm 2023 là XNCN Vĩnh Châu 14,38% (năm 2022 là 14,66%)

3. Kết quả doanh thu kinh doanh năm 2023

TT	CHỈ TIÊU	TH NĂM 2023	NĂM 2022	KH 2023	So 2023/2022 (%)	So với KH 2023 (%)
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	210.960.201.679	203.527.992.874	213.468.000.000	103,65	98,83
2	Các khoản giảm trừ doanh thu					
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	210.960.201.679	203.527.992.874	213.468.000.000	103,65	98,83
4	Giá vốn hàng bán	107.421.178.603	113.208.944.955	120.468.000.000	94,89	89,17
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	103.539.023.076	90.319.047.919	93.000.000.000	114,64	111,33
6	Doanh thu hoạt động tài chính	6.418.614.627	1.374.418.127	1.500.000.000	467,01	427,91
7	Chi phí tài chính	0	304.661.514	0		
	Chi phí lãi vay	0	304.661.514	0		
8	Phản lãi/lỗ trong công ty liên doanh, liên kết...					
9	Chi phí bán hàng	27.156.245.328	25.059.154.253	30.400.000.000	108,37	89,33
10	Chi phí quản lý DN	27.141.528.196	24.059.499.633	27.000.000.000	112,81	100,52
11	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	55.659.864.179	42.270.150.646	37.100.000.000	131,68	150,03
12	Thu nhập khác	1.787.654.278	2.385.402.003	2.000.000.000	74,94	89,38
13	Chi phí khác	387.929.443	98.501.337	1.500.000.000	393,83	25,86
14	Lợi nhuận khác	1.399.724.835	2.286.900.666	500.000.000	61,21	279,94
15	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	57.059.589.014	44.557.051.312	37.600.000.000	128,06	151,75
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	6.558.002.050	8.853.892.132	7.600.000.000	74,07	86,29
17	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					
18	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	50.501.586.964	35.703.159.180	30.000.000.000	141,45	168,34

TT	CHỈ TIÊU	TH NĂM 2023	NĂM 2022	KH 2023	So 2023/2022 (%)	So với KH 2023 (%)
19	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	3184	2251	1891	141,45	168,38
20	Lãi suy giảm trên cổ phiếu					

- Tổng doanh thu năm 2023 tăng 3,65% so với năm 2022 và đạt 98,83% kế hoạch năm 2023.

- Lợi nhuận trước thuế năm 2023 là 57,06 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế năm 2023 là 50,50 tỷ đồng.

III. Tình hình tài chính năm 2023

1. Tình hình tài sản và nguồn vốn

STT	CHỈ TIÊU	NĂM 2023	NĂM 2022	2023/2022 (%)
1	Tổng tài sản	273.165.734.324	229.990.350.531	119%
	<i>Trong đó</i>			
+	Tài sản ngắn hạn	163.988.048.915	116.671.930.476	141%
+	Tài sản dài hạn	109.177.685.409	113.318.420.055	96%
2	Tổng nguồn vốn	273.165.734.324	229.990.350.531	119%
	<i>Trong đó</i>			
2.1	Nợ phải trả	33.558.300.251	40.884.503.422	82%
	- Nợ ngắn hạn	32.687.110.881	40.089.814.052	82%
	- Nợ dài hạn	871.189.370	794.689.370	110%
2.2	Vốn chủ sở hữu	239.607.434.073	189.105.847.109	127%
	<i>Trong đó</i>			
+	Vốn góp của chủ sở hữu	158.631.330.000	158.631.330.000	100%
+	Quỹ đầu tư phát triển			
+	Lợi nhuận sau thuế	80.976.104.073	35.703.159.180	227%
	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	30.474.517.109		
	- LNST chưa phân phối lũy kỳ này	50.501.586.964	30.474.517.109	166%
+	Nguồn vốn đầu tư XDCB			

Năm 2023 so với năm 2022, tổng tài sản và nguồn vốn tăng 43,17 tỷ đồng (tương ứng 18,77%). Trong đó:

- Nợ phải trả giảm 7,33 tỷ đồng tương đương giảm 17,92% so với năm 2022 chủ yếu là nợ thanh toán cho các nhà cung cấp đã giảm so với năm 2022.

- Vốn chủ sở hữu tăng 50,50 tỷ đồng tương đương tăng 26,71% so với năm 2022 (do năm 2023 công ty lãi 50,50 tỷ đồng).

2. Về thực hiện nghĩa vụ tài chính

STT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2022	Năm 2023		Tỷ lệ thực hiện	
				Kế hoạch	Thực hiện	So 2022	So KH
	Nghĩa vụ tài chính	<i>đồng</i>	35.467.427.206		44.607.548.544	125,77%	-
1	Nộp thuế GTGT	<i>đồng</i>	3.586.116.761		5.597.929.075	156,10%	-
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	<i>đồng</i>	5.318.106.301		9.210.351.910	173,19%	-
3	Nộp các loại thuế khác	<i>đồng</i>	10.592.175.458		10.734.992.513	101,35%	-
4	Nộp các khoản bảo hiểm	<i>đồng</i>	6.832.702.939		9.458.109.684	138,42%	-
5	Các khoản phải nộp khác	<i>đồng</i>	9.138.325.747		9.606.165.362	105,12%	-
	<i>Phí nước thải sinh hoạt</i>	<i>đồng</i>	<i>9.138.325.747</i>		<i>9.606.165.362</i>	<i>105,12%</i>	-

Số nộp ngân sách năm 2023 tăng so với năm 2022 là 9,14 tỷ đồng tương đương tăng 25,77% so với cùng kỳ năm trước.

3. Về sử dụng vốn đầu tư phát triển

STT	DIỄN GIẢI	NGUỒN	SỬ DỤNG	CÒN LẠI
1	Năm 2022 chuyển sang	46.656.477.030		46.656.477.030
2	Năm 2023	24.431.717.544	16.842.537.147	7.589.180.397
2.1	Nguồn khấu hao TSCĐ	24.431.717.544		
2.2	Nguồn Quỹ ĐTPT			
2.3	Trả nợ vay ODA			
2.4	Chênh lệch tỷ giá tính vào giá thành			
2.5	Đầu tư, mua sắm thiết bị, tài sản		16.842.537.147	
	Trong đó			
	- Nhà cửa vật kiến trúc		4.637.296.834	
	- Máy móc thiết bị		1.264.591.369	
	- Thiết bị truyền dẫn		10.837.648.944	
	- Thiết bị dụng cụ quản lý		103.000.000	
	Cộng	71.088.194.574	16.842.537.147	54.245.657.427

- Nguồn vốn tái đầu tư 2022 chuyển sang: 46.656.477.030 đồng
- Khấu hao năm 2023: 24.431.717.544 đồng
- Sử dụng cho đầu tư phát triển trong năm 2023: 16.842.537.147 đồng
- Còn lại: 54.245.657.427 đồng

4. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

Stt	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Tỷ lệ
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đồng	50.501.586.964	
1	Trích quỹ đầu tư phát triển	Đồng	15.150.476.089	30,00%
2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (tương đương 2,5 tháng lương thực hiện của người lao động năm 2023)	Đồng	8.057.661.595	15,96%
3	Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (tương đương 1,5 tháng lương, thù lao thực hiện của Ban điều hành năm 2023)	Đồng	532.074.480	1,05%
4	Chia cổ tức	Đồng	26.761.374.800	52,99%

Hình thức chi trả cổ tức: Nhận tiền mặt tại Công ty hoặc chuyển khoản

B. PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ CHỦ YẾU NĂM 2024

I. Mục tiêu

- Xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 tăng trưởng so với năm 2023 tương đương 3,82% trên m³ nước thương phẩm.

- Tổ chức sắp xếp lại sản xuất, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, tiết kiệm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả công tác.

- Đầu tư mở rộng, nâng cấp hệ thống cấp nước, tăng sản lượng tiêu thụ, kiểm soát tốt chất lượng nước; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống không bảo đảm chất lượng, thất thoát cao...

- Tiếp tục đổi mới công tác chăm sóc khách hàng, cải tiến và ứng dụng công nghệ mới nhằm nâng cao chất lượng nước, chất lượng dịch vụ ngày một tốt hơn, xây dựng đơn vị cấp nước an toàn.

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo thêm việc làm, thu nhập cho người lao động.

II. Chỉ tiêu sản xuất kinh doanh

1. Kế hoạch sản lượng và doanh thu năm 2023

STT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	So 2023 (%)
I	Sản lượng XSKD				
1	Nước thương phẩm	m ³	22.345.528	23.200.000	+3,80
2	Số lượng khách hàng	hộ	99.709	101.648	+1,94
II	Tỷ lệ thất thoát	%	12,40	<13,00	
III	Tổng doanh thu	đồng	219.166.470.584	227.000.000.000	103,57
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	đồng	210.960.201.679	216.500.000.000	102,63
	- Cấp nước	đồng	204.362.206.187	209.400.000.000	102,47
	- Lắp đặt - chuyển nhượng vật	đồng	2.879.975.165	3.000.000.000	104,17

STT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện năm 2023	Kế hoạch năm 2024	So 2023 (%)
	- Nước uống đóng chai	đồng	3.697.720.186	4.000.000.000	108,17
	- Doanh thu khác	đồng	20.300.141	100.000.000	492,61
2	Doanh thu hoạt động tài chính	đồng	6.418.614.627	8.000.000.000	124,64
3	Thu nhập khác	đồng	1.787.654.278	2.500.000.000	139,85

2. Chi tiết giao kế hoạch sản xuất năm 2024

TT	Đơn vị	Thực hiện năm 2023			Kế hoạch năm 2024				
		Sản lượng (m ³)	Khách hàng (hộ)	Tỷ lệ TT (%)	Sản lượng KH (m ³ /năm)	Sản lượng (m ³ /tháng)	Tăng so 2023 (%)	Khách hàng (hộ)	Tỷ lệ TT (%)
1	XNCN Nguyễn Chí Thanh	8.166.078	23.580	12,44	8.390.000	699.167	2,70	23.880	
2	XNCN Phú Lợi	5.540.429	23.940	12,44	5.750.000	479.167	3,80	24.440	
3	XNCN Mỹ Xuyên	1.284.222	7.099	12,82	1.330.000	110.833	3,60	7.244	
4	XNCN Vĩnh Châu	1.258.993	6.938	14,38	1.315.000	109.583	4,40	7.088	
5	XNCN Long Phú	732.857	4.254	11,40	770.000	64.167	5,10	4.304	
6	XNCN Mỹ Tú	551.896	2.791	12,64	575.000	47.917	4,20	2.841	
7	XNCN Trần Đề	1.380.260	8.384	12,15	1.450.000	120.833	5,10	8.634	
8	XNCN Đại Ngãi	659.174	4.626	10,87	700.000	58.333	6,20	4.790	
9	XNCN Kế Sách	1.020.781	7.067	9,18	1.060.000	88.333	3,80	7.167	
10	XNCN Thạnh Trị	1.066.445	6.831	12,76	1.130.000	94.167	6,0	7.001	
11	XNCN Ngã Năm	684.393	4.199	13,16	730.000	60.833	6,70	4.259	
	Cộng	22.345.528	99.709	12,40	23.200.000	1.933.333	3,80	101.648	<13
12	Lắp đặt	Doanh thu 2.564.062.791 đồng			Kế hoạch doanh thu 2.500.000.000 đồng				
13	Nước đóng chai	Doanh thu 3.723.044.483 đồng			Kế hoạch doanh thu 4.270.000.000 đồng				
14	Khác	Doanh thu 179.985.121 đồng			Kế hoạch doanh thu 200.000.000 đồng				
	Doanh thu	6.467.092.395 đồng			6.970.000.000 đồng				

Trong đó:

- Sản lượng cấp nước kế hoạch 2024 tăng 3,80% so với năm 2023
- Tỷ lệ thất thoát phấu đầu <13,0%.
- Phát triển khách hàng mới tăng 1,94% so với năm 2023
- Sản lượng và doanh thu nước đóng chai tăng 14,69% so với năm 2023

3. Một số chỉ tiêu tài chính năm 2024

STT	DIỄN GIẢI	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2022	THỰC HIỆN NĂM 2023	KẾ HOẠCH NĂM 2024	SỐ KH 2024/ 2023 (%)
I	Chỉ tiêu kinh doanh					
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	đồng	44.557.051.312	57.059.589.014	46.000.000.000	
2	Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	đồng	8.853.892.132	6.558.002.050	6.000.000.000	
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	đồng	35.703.159.180	50.501.586.964	40.000.000.000	
4	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	đồng	2.251	3.184	2.522	
5	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	đồng				
6	Lãi, lỗ năm trước chuyển sang	đồng				
7	Lợi nhuận để phân phối	đồng				
8	Phân chia lợi nhuận	đồng				
9	Trích quỹ dự phòng	đồng				
10	Trích quỹ đầu tư phát triển	đồng				
11	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	đồng				
12	Trả cổ tức	đồng				
13	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	đồng				
14	Lợi nhuận chuyển năm sau	đồng				
II	Vốn điều lệ	đồng	158.631.330.000	158.631.330.000	158.631.330.000	
III	Nghĩa vụ tài chính	đồng	35.467.427.206	44.607.548.544	41.500.000.000	125,77
1	Nộp thuế GTGT	đồng	3.586.116.761	5.597.929.075	5.000.000.000	156,10
2	Thuế thu nhập doanh nghiệp	đồng	5.318.106.301	9.210.351.910	6.000.000.000	173,19
3	Nộp các loại thuế khác	đồng	10.592.175.458	10.734.992.513	11.000.000.000	101,35
4	Nộp các khoản bảo hiểm	đồng	6.832.702.939	9.458.109.684	9.500.000.000	138,42

STT	DIỄN GIẢI	ĐVT	THỰC HIỆN NĂM 2022	THỰC HIỆN NĂM 2023	KẾ HOẠCH NĂM 2024	SO KH 2024/ 2023 (%)
5	Các khoản phải nộp khác	đồng	9.138.325.747	9.606.165.362	10.000.000.000	105,12
	Phí nước thải sinh hoạt	đồng	9.138.325.747	9.606.165.362	10.000.000.000	105,12

4. Kế hoạch tiền lương 2024

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	So 2023 (%)
1	Số lao động	người	290	292	292	100,00
	Chức danh quản lý chuyên trách	người	8	8	10	125,00
	Chức danh quản lý không chuyên trách	người	2	2	0	
	Người lao động (bao gồm XN nước đóng chai)	người	280	281	281	100,00
2	Quỹ tiền lương	đồng	40.169.014.991	43.310.198.993	45.036.800.000	103,99
	Chức danh quản lý chuyên trách	đồng	4.095.134.781	4.302.355.863	4.857.800.000	112,91
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đồng	397.531.936	282.989.673	0	
	Người lao động (bao gồm luôn XN nước đóng chai)	đồng	35.676.348.274	38.724.853.457	40.179.000.000	103,76
3	Tiền ăn ca	đồng	2.429.588.385	2.439.806.372	2.487.600.000	101,96
	Chức danh quản lý chuyên trách	đồng	70.080.000	75.920.000	87.600.000	115,38
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đồng	17.520.000	11.680.000	-	
	Người lao động	đồng	2.341.988.385	2.352.206.372	2.400.000.000	102,03
4	Tổng thu nhập	đồng	42.598.603.376	45.750.005.365	47.524.400.000	103,88
	Chức danh quản lý chuyên trách	đồng	4.165.214.781	4.378.275.863	4.945.400.000	112,95
	Chức danh quản lý không chuyên trách	đồng	415.051.936	294.669.673	-	
	Người lao động	đồng	38.018.336.659	41.077.059.829	42.579.000.000	103,66
5	Thu nhập bình quân	đ/ng/th				
	Chức danh quản lý chuyên trách	đ/ng/th	43.387.654	45.607.040	41.211.667	90,36
	Chức danh quản lý	đ/ng/th	17.293.831	12.277.903	-	

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2022	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Số 2023 (%)
	không chuyên trách					
	Người lao động	đ/ng/th	11.314.981	12.181.809	12.627.224	103,66

5. Kế hoạch đầu tư phát triển

5.1. Đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình cấp nước và giếng khoan khai thác, bao gồm:

a) Đầu tư xây dựng cụm xử lý nước mặt công suất 10.000 m³/ngày đêm tại hẻm 930 (đường Chùa Phú Túc), Phường 2 – Tp.ST (giai đoạn 1: công suất 5.000 m³/ngày đêm)

- Giá trị khái toán: 39.700.000.000 đồng

- Giai đoạn đầu tư: 2024 – 2025

b) Đầu tư xây dựng Cụm xử lý nước ngầm công suất 2.900 m³/ngày đêm tại phường 5, thành phố Sóc Trăng (hướng đường Tôn Đức Thắng đi Trường Khánh).

- Giá trị khái toán: 17.500.000.000 đồng

- Giai đoạn đầu tư: 2024 – 2025

c) Đầu tư hệ thống xử lý Nhà máy nước Mỹ xuyên 1 và Nhà máy nước Mỹ xuyên 3.

- Giá trị khái toán: 6.400.000.000 đồng

- Giai đoạn đầu tư: 2024

5.2. Nguồn vốn đầu tư: Công ty cân đối nguồn vốn chủ sở hữu, vốn vay thương mại và các nguồn vốn khác.

5.3. Hình thức đầu tư: Bên cạnh việc đề xuất đầu tư các dự án, công trình nêu trên bằng nguồn vốn của doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác hoặc giải pháp đầu tư theo hình thức xã hội hóa.

Công trình đầu tư sẽ được xem xét triển khai theo từng thời điểm tùy vào khả năng nguồn vốn có được, phù hợp với tình hình và nhu cầu thực tiễn.

III. Các giải pháp thực hiện

1. Các giải pháp sản xuất kinh doanh

- Triển khai công tác khảo sát địa bàn, các công trình cấp nước đề nghị mở rộng, hiệu quả đầu tư để sớm thực hiện.

- Đánh giá hoạt động của các nhà máy sản xuất, đầu tư bổ sung nguồn nước khai thác phục vụ để hoàn thành kế hoạch và đảm bảo nguồn nước cung cấp cho người tiêu dùng.

- Phối hợp với Trung tâm Y tế dự phòng tỉnh kiểm tra, giám sát chất lượng nguồn nước theo tiêu chuẩn cho phép.

- Các đơn vị trực thuộc theo dõi các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh thường xuyên, giảm lượng nước thất thoát, tăng cường công tác quản lý khách hàng, đánh giá nguyên nhân tăng, giảm sản lượng theo từng thời điểm.

2. Các giải pháp công nghệ, tiết kiệm chi phí sản xuất

- Ứng dụng đổi mới kỹ thuật, công nghệ trong quá trình sản xuất.

- Hoàn thiện và nâng cao trình độ tổ chức sản xuất, tổ chức lao động để nâng cao năng suất lao động, tiết kiệm chi phí lao động, vật tư, chi phí quản lý, hạn chế tối đa các tổn thất và thiệt hại không đáng có trong quá trình sản xuất, tiết kiệm chi phí.

- Tiếp tục thực hiện cải tiến hoàn thiện cơ chế khoán sản phẩm cho các xí nghiệp trực thuộc.

- Tăng cường công tác quản lý kiểm tra, giám sát tài chính đối với việc sử dụng các loại chi phí và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.

3. Công tác quản trị

- Giáo dục cán bộ, công nhân viên nâng cao tinh thần trách nhiệm, thúc đẩy phong trào thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Đánh giá lại công việc của từng đơn vị để xây dựng định biên lao động, luân chuyển bố trí nhân lực đảm bảo lãnh đạo và điều hành sản xuất có hiệu quả.

- Xây dựng quy chế tiền lương, tiền thưởng, động viên khuyến khích được những cán bộ, công nhân viên có trình độ chuyên môn cao, có khả năng đảm nhận và giải quyết những công việc quan trọng và đòi hỏi sự phức tạp khi thực hiện. Tiền lương phải gắn liền với kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tạo môi trường làm việc tốt, động viên khuyến khích CB.CNV phát huy năng lực bản thân hoàn thành tốt công việc được giao, đóng góp vào sự phát triển chung của công ty.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- HĐQT, BKS;
- Lưu: VT, HSDH.



Số: 382/BC-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 08 tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO
Công tác quản trị và hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2023

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Hội đồng quản trị xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông về báo cáo công tác quản trị và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng năm 2023 như sau:

I. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị đến ngày 31/12/2023

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bắt đầu	Ngày không còn
1	Nguyễn Quang Mão	Giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 24/8/2023	28/12/2017	
2	Nguyễn Trọng Hiếu	Thôi giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT từ ngày 24/8/2023	28/12/2017	
3	Đặng Văn Ngộ	TV HĐQT	20/8/2021	
4	Trần Anh Hòa	TV HĐQT	28/12/2017	
5	Ong Hải Phước	TV HĐQT	24/8/2023	
6	Phan Vĩnh Tùng	TV HĐQT	16/12/2020	24/8/2023

2. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị

Stt	Họ và tên	Thù lao (VNĐ)	Lương (VNĐ)
1	Nguyễn Quang Mão	264.926.504	468.862.940
2	Nguyễn Trọng Hiếu	269.743.349	355.394.200
3	Đặng Văn Ngộ	260.109.657	519.939.000
4	Trần Anh Hòa	260.109.657	436.748.760
5	Phan Vĩnh Tùng	173.406.438	

Stt	Họ và tên	Thù lao (VNĐ)	Lương (VNĐ)
6	Ong Hải Phước	86.703.219	436.748.760
	TỔNG CỘNG	1.314.998.824	2.217.693.660

3. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị năm 2023

3.1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị:

- Họp trực tiếp: 05 cuộc họp.
- Lấy ý kiến HĐQT qua hộp thư điện tử HĐQT: 14 cuộc (có Biên bản của Tổ kiểm phiếu về việc tổng hợp ý kiến HĐQT trả lời qua hộp thư điện tử).

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Nguyễn Quang Mão	5/5	100%	
2	Trần Anh Hòa	5/5	100%	
3	Đặng Văn Ngộ	5/5	100%	
4	Nguyễn Trọng Hiếu	5/5	100%	
5	Phan Vĩnh Tùng	5/5	100%	
6	Ong Hải Phước	0	%	Tham gia HĐQT ngày 24/8/2023

3.2. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	Nghị quyết số 01/NQ- HĐQT	18/01/2023	Phê duyệt Quỹ tiền lương năm 2022	100%
2	Nghị quyết số 02/NQ- HĐQT	20/2/2023	Triệu tập phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023	100%
3	Nghị quyết số 02A/NQ- HĐQT	15/02/2023	Thực hiện chủ trương đầu tư Nhà máy nước theo Biên bản phiên họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 và theo Tờ trình số 45/TTr-CN ngày 08/2/2023 của Tổng giám đốc về việc đầu tư Nhà máy nước 200.000 m ³ / ngày đêm	60%
4	Nghị quyết số 03/NQ- HĐQT	11/4/2023	Bổ nhiệm lại chức vụ Tổng Giám đốc Công ty	100%

5	Nghị quyết số 04/NQ-HĐQT	07/6/2023	Tổ chức phiên họp ĐHĐCĐ thường năm 2023	100%
6	Nghị quyết số 05/NQ-HĐQT	29/6/2023	Chấp thuận đơn xin đi nước ngoài của Tổng giám đốc	100%
7	Nghị quyết số 06/NQ-HĐQT	31/7/2023	Triệu tập phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường lần I năm 2023	100%
8	Nghị quyết số 07/NQ-HĐQT	22/8/2023	Chấp thuận chủ trương đầu tư các dự án/ công trình phát sinh ngoài danh mục đầu tư năm 2023	100%
9	Nghị quyết số 08/NQ-HĐQT	24/8/2023	- Miễn nhiệm chức danh Chủ tịch HĐQT đối với ông Nguyễn Trọng Hiếu - Bầu chức danh Chủ tịch HĐQT đối với ông Nguyễn Quang Mãi	100% 60%
10	Nghị quyết số 09/NQ-HĐQT	24/8/2023	- Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT đối với ông Phan Vĩnh Tùng - Công nhận chức danh thành viên HĐQT đối với ông Ong Hải Phước	100%
11	Quyết định số 10/QĐ-HĐQT	30/8/2023	- Miễn nhiệm chức danh Trưởng Ban thư ký đối với ông Nguyễn Thanh Tuấn - Bỏ nhiệm chức danh Trưởng Ban thư ký đối với ông Lê Quang Hải	100% 60%
12	Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT	26/10/2023	Triệu tập phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2023	100%
13	Nghị quyết số 12/NQ-HĐQT	22/8/2023	Chấp thuận chủ trương đầu tư hạng mục cải tạo cụm xử lý nước mặt công suất 5.000 m ³ / ngày đêm cho NMN Nguyễn Chí Thanh và NMN KCN An Nghiệp và đầu tư các hệ thống xử lý Amoni, Mangan... cho các NMN trực thuộc	100%
14	Nghị quyết số 13/NQ-HĐQT	12/12/2023	Chấp thuận chủ trương đầu tư hạng mục cải tạo cụm xử lý nước mặt công suất 5.000 m ³ / ngày đêm tại thị xã Ngã Năm	100%
15	Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT	29/12/2023	Chấp thuận Tờ trình số 476/TTr-CN ngày 21/12/2023 của TGD v/v chi tiền cho người lao động nhân dịp Tết Dương lịch 2024 và Tờ trình số 477/TTr-CN ngày 21/12/2023 của TGD v/v phê duyệt kinh phí mua quà nhân dịp Tết nguyên đán 2024	100%

0010729
CÔNG TY
CỔ PHẦN
ÁP NƯỚC
C TRẦN
RANG - T.

II. BÁO CÁO VỀ GIAO DỊCH NỘI BỘ

1. Giao dịch giữa công ty với người có liên quan của công ty hoặc giữa công ty với cổ đông lớn và giữa công ty với người nội bộ

Stt	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch	Ghi chú
1	Công ty cổ phần Nước Sóc Trăng	Công ty liên kết	220068 0885	Đường D4 Khu công nghiệp An Nghiệp, phường 7, tp Sóc Trăng	Năm 2023	Nghị quyết số 02/NQ-HĐQT ngày 10/01/2020 của HĐQT v/v phê duyệt điều chỉnh giá mua nước sạch của Công ty cổ phần Nước Sóc Trăng	Hợp đồng mua, bán si nước sạch với tổng giá trị giao dịch năm 2023 là 16,247 tỷ đồng	

2. Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: Không có

3. Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác: Không có

4. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty niêm yết:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm
			Cổ phiếu	Tỷ lệ	Cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty cổ phần Hawaco	Cổ đông chiến lược	6.345.253	40%	0	0%	Bán
2	Nghiêm Thị Lệ Hằng	Cổ đông lớn	0	0%	3.807.152	24%	Mua
3	Nguyễn Minh Phương	Cổ đông lớn	0	0%	2.538.101	16%	Mua
4	Nguyễn Minh Phương	Cổ đông lớn	2.538.101	16%	809.101	5,101%	Bán
5	Công ty cổ phần VBIC Việt Nam	Cổ đông lớn	1.284.213	8,096%	3.013.213	18,995%	Mua
6	Đặng Như Ý	Con ông Đặng Văn Ngộ	98.100	0,618%	218.100	1,375%	Mua

III. HOẠT ĐỘNG CỦA THÀNH VIÊN HĐQT ĐỘC LẬP

Công ty không có thành viên HĐQT độc lập

IV. HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN KIỂM TOÁN TRỰC THUỘC HĐQT

Công ty hoạt động theo mô hình không có Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT

V. HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT

HĐQT Công ty không thành lập các tiểu ban trực thuộc

VI. KẾT QUẢ GIÁM SÁT ĐỐI VỚI BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HĐQT giám sát đối với Ban Tổng Giám đốc thông qua chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, việc lập kế hoạch thực hiện sản xuất kinh doanh, thu chi hàng tháng trình HĐQT phê duyệt.

VII. HẠN CHẾ

Trong quý IV/2023, thời điểm kết thúc năm và chuẩn bị đại hội cổ đông bất thường theo kế hoạch của HĐQT. Tuy nhiên, các thành viên HĐQT đã thiếu phối hợp, chưa có sự thống nhất trong việc triển khai kế hoạch, phần nào ảnh hưởng đến hoạt động công ty và ảnh hưởng đến lợi ích của cổ đông. Trong đó, ông Nguyễn Quang Mãi tiếp nhận chức vụ Chủ tịch HĐQT từ tháng 8/2023 đã thiếu gương mẫu, thiếu trung thực, điều hành công tác HĐQT không minh bạch, tự ý quyết định theo lợi ích cá nhân và không tuân thủ pháp luật.

VIII. KẾ HOẠCH THỜI GIAN TỚI

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát, chỉ đạo các hoạt động của các đơn vị, bảo đảm thực hiện đúng các nội dung đã được thông qua trong các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT công ty.

- Huy động và sử dụng vốn có hiệu quả trong việc sản xuất kinh doanh nhằm thu lợi nhuận tối đa, tăng cổ tức cho các cổ đông, tạo thêm việc làm, thu nhập cho người lao động.

- Tiếp tục đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống cấp nước, kiểm soát tốt chất lượng nước; cải tạo, sửa chữa, thay thế các tuyến ống không bảo đảm chất lượng, thất thoát cao...

- Thực hiện việc chia cổ tức năm 2022 theo Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/5/2024 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 (lần thứ 2) của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng;

Trên đây là báo cáo về công tác quản trị và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng năm 2023 xin báo cáo trước Đại hội.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TLĐHĐCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



Trần Anh Hòa

Số: 383/BC-BKS

Sóc Trăng, ngày 08. tháng 7 năm 2024

BÁO CÁO

Hoạt động của Ban kiểm soát và tóm tắt BCTC năm 2023 đã được kiểm toán

Tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 về kết quả hoạt động của Ban kiểm soát năm 2023 như sau:

1. Thành viên Ban kiểm soát, hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

1.1. Thành viên Ban kiểm soát

Ngày 28/12/2017, Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thành lập công ty đã bầu ra Ban kiểm soát (BKS) nhiệm kỳ 2017-2022 có 03 thành viên.

Qua quá trình hoạt động cũng như theo yêu cầu nhiệm vụ, các thành viên BKS đã được miễn nhiệm, bầu bổ sung đến đầu năm 2023 gồm 03 thành viên:

- | | |
|-------------------------|----------------------------|
| - Ông Vũ Tiến Bộ | - Trưởng ban |
| - Bà Liễu Thu Trúc | - Phó Trưởng Ban kiểm soát |
| - Ông Nguyễn Trọng Kiên | - Kiểm soát viên |

Ngày 15/8/2023, Người đại diện phần vốn Nhà nước tại Công ty đã có công văn đề cử ông Trần Thanh Nhân tham gia thành viên BKS thay thế bà Liễu Thu Trúc nghỉ phụ trách theo quy định. BKS đã họp và thống nhất miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát đối với bà Liễu Thu Trúc kể từ ngày 31/8/2023, đồng thời bầu bổ sung ông Trần Thanh Nhân làm thành viên Ban kiểm soát, giữ chức Phó Trưởng Ban kiểm soát kể từ ngày 01/9/2023.

Ngày 16/5/2024, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 (lần thứ 2) đã được tổ chức thành công, trong đó đã bầu Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029 gồm 03 thành viên như sau:

- | | |
|-----------------------------|----------------------------|
| - Ông Nguyễn Hoài Bảo Khánh | - Trưởng ban |
| - Ông Trần Thanh Nhân | - Phó Trưởng Ban kiểm soát |
| - Ông Nguyễn Minh Phương | - Kiểm soát viên |

Các thành viên BKS đa phần mới được bầu bổ sung và bầu mới, do vậy cũng đang gặp khó khăn trong quá trình báo cáo chuyên tiếp.

1.2. Hoạt động của Ban kiểm soát

Theo hồ sơ lưu trữ, Ban kiểm soát có phân công nhiệm vụ cho các thành viên và phối hợp thực hiện nhiệm vụ thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Trong năm 2023, Ban Kiểm soát đã thực hiện các công việc sau:

- Tổ chức họp định kỳ và họp khi có công việc đột xuất để triển khai công việc theo chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn được giao; luôn bám sát Điều lệ Công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Thường xuyên trao đổi giữa các thành viên BKS cũng như với Hội đồng quản trị (HĐQT), Ban Tổng giám đốc (Ban TGD) nhằm mục đích bảo đảm các hoạt động của Công ty là phù hợp và đáp ứng quyền lợi của cổ đông.
- Xem xét các báo cáo tài chính (BCTC), báo cáo tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) và chương trình kế hoạch của công ty theo định kỳ.
- Tham gia ý kiến với HĐQT trong việc đề xuất lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC của Công ty.
- Giám sát hoạt động của HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác của Công ty đảm bảo theo đúng chức năng nhiệm vụ của từng bộ phận.

1.3. Thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát

- Tổng mức thù lao đã chi cho các thành viên BKS trong năm 2023 là: 657.499.412 đồng, tương đương 0,3% tổng doanh thu của Công ty
- Chi phí hoạt động: 0 đồng

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty

Theo hồ sơ lưu trữ và số liệu kết quả sản xuất kinh doanh, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2024-2029 tổng hợp báo cáo một số nội dung như sau:

2.1. Kết quả giám sát hoạt động kinh doanh

Ban kiểm soát đã giám sát công tác tổ chức, thẩm định báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 của Công ty và thống nhất đánh giá như sau:

- Tỷ lệ thất thoát nước thương phẩm: 12,40% giảm 0,04% so với năm 2022 và giảm được 2,7% so với kế hoạch đề ra.
- Sản lượng nước thương phẩm tăng 3,69% so với năm 2022 và đạt 98,87% kế hoạch đề ra của năm.
- Tổng doanh thu đạt 219.166.470.584 đồng, tăng 5,73% so với năm 2022 và đạt 101,01% so với kế hoạch.
- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ đạt 210.960.201.679 đồng, tăng 3,65% so với năm 2022 và đạt 98,83% so với kế hoạch năm đã đề ra.

Trong đó:

- + Doanh thu cấp nước: 204.362.206.187 đồng, chiếm 96,87%;
- + Doanh thu lắp đặt: 2.879.975.165 đồng, chiếm 1,37%;

- + Doanh thu nước đóng chai: 3.697.720.186 đồng, chiếm 1,75%;
- + Doanh thu khác: 20.300.141 đồng, chiếm 0,01%.

- Năm 2023, Công ty đạt lợi nhuận sau thuế 50.501.586.964 đồng, tăng so với năm 2022 là 14.798.427.784 tỷ đồng, tương ứng tăng 41,45%.

2.2. Kết quả giám sát việc thực hiện NQ ĐHĐCĐ thường niên năm 2023

- Công ty đã thực hiện tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023, các chỉ tiêu đều đạt và vượt kế hoạch đề ra.
- Kế hoạch đầu tư theo Nghị quyết ĐHĐCĐ năm 2023 vẫn còn nhiều nội dung chưa thực hiện theo như kế hoạch đã đề ra.
- Về chi trả thù lao cho HĐQT và BKS, Công ty đã chi trả và quyết toán theo tỷ lệ đã được ĐHĐCĐ năm 2023 thông qua.
- Đã chọn đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH kiểm toán và tư vấn A&C - Chi nhánh Cần Thơ thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023.
- HĐQT và Ban Tổng Giám đốc đã nghiêm túc thực hiện các quyết định của ĐHĐCĐ đã được ghi trong Nghị quyết.

2.3. Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính năm 2023

Trên cơ sở BCTC năm 2023 của công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C - Chi nhánh Cần Thơ, BKS đã thẩm định và nhất trí báo cáo với ĐHĐCĐ như sau:

- Thống nhất với BCTC năm 2023 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C - Chi nhánh Cần Thơ.

- Báo cáo đã phản ánh chính xác tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31/12/2023, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong giai đoạn tài chính từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023 là phù hợp với các quy định của hệ thống kế toán hiện hành, không có sai sót trọng yếu xảy ra trong năm 2023 về công tác hạch toán kế toán.

Theo BCTC đã được kiểm toán, đến 31/12/2023, các chỉ tiêu cơ bản thực hiện trong năm 2023 như sau:

a) Về kết quả kinh doanh:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	Ghi chú
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	210.960.201.679	Chiếm trọng số 96,26% trong tổng doanh thu Công ty.
2	Lợi nhuận trước thuế	57.059.589.014	
3	Lợi nhuận sau thuế	50.501.586.964	

b) Về tài sản:

TT	Chỉ tiêu	Giá trị (VND)	Ghi chú
1	Tài sản ngắn hạn	163.988.048.915	
2	Tài sản dài hạn	109.177.685.409	
3	Tổng tài sản	273.165.734.324	

c) Vốn chủ sở hữu: 239.607.434.073 đồng.

3. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý

3.1. Đánh giá hoạt động của HĐQT

- HĐQT đã tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty về chế độ họp, trình tự, thủ tục triệu tập họp, ghi biên bản, ra nghị quyết phiên họp.
- Nội dung các Nghị quyết của HĐQT được thông qua đúng với chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của HĐQT, phù hợp với Nghị quyết của ĐHĐCĐ, không trái với quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và đáp ứng được yêu cầu phát triển cũng như nhiệm vụ của Công ty.
- HĐQT đã giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời Ban TGD trong hoạt động điều hành SXKD, giám sát việc thực hiện Nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ.
- Trong năm 2023, BKS không nhận được bất kỳ kiến nghị, khiếu nại nào của cổ đông về sai phạm của HĐQT trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, BKS đã được HĐQT phối hợp, tạo điều kiện thuận lợi để BKS hoàn thành nhiệm vụ.
- Trong quý 4/2023, mặc dù Hội đồng quản trị có kế hoạch dự kiến tổ chức đại hội cổ đông bất thường và đã ban hành Nghị quyết thực hiện. Tuy nhiên, ông Nguyễn Quang Mãi tại thời điểm này là Chủ tịch HĐQT đã chỉ đạo sai nguyên tắc, cố tình kéo dài thời gian tổ chức đại hội.

3.2. Đánh giá hoạt động của Ban TGD và cán bộ quản lý khác

- Ban kiểm soát đánh giá xác nhận những nỗ lực và cố gắng của Ban TGD Công ty trong công tác điều hành hoạt động SXKD, tổ chức triển khai các Nghị quyết của HĐQT, ĐHĐCĐ.
- Trong năm 2023, BKS chưa phát hiện vấn đề bất thường trong công tác quản lý điều hành của Ban TGD và các cán bộ quản lý khác trong công ty; không nhận được bất kỳ đơn thư khiếu nại, khiếu kiện nào có liên quan đến bất kỳ thành viên nào của Ban TGD Công ty.
- Biên chế lao động của Công ty hiện tại ổn định, CB.CNV đang ngày càng nỗ lực nhằm nâng cao năng suất lao động.

3.3. Công tác giám sát, kiểm tra thực hiện quy định về quản trị nội bộ của Công ty

- HĐQT đã chỉ đạo, giám sát Ban TGD và bộ máy điều hành trong việc tuân thủ các quy phạm quản lý nội bộ; Ban TGD đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai các hoạt động SXKD, đồng thời thực hiện khá tốt công tác quản trị nội bộ, hạn chế được nhiều rủi ro và sai phạm có thể xảy ra.
- BKS đã thường xuyên thực hiện hoạt động kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện các quy phạm quản lý nội bộ của Công ty, công tác ký kết và thực hiện các hợp đồng, giao dịch của Công ty theo đúng quy định, tiến hành cùng các phòng ban kiểm kê, kiểm tra tình trạng tài sản cố định, hàng tồn kho, các công trình dự án thi công của Công ty.

4. Kết luận và kiến nghị

4.1. Kết luận

Qua hoạt động thực thi nhiệm vụ do ĐHĐCĐ giao trong năm 2023, BKS nhận thấy các cơ quan quản trị, điều hành và bộ máy hoạt động của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng đã cơ bản thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4.2. Kiến nghị

- Tập trung ổn định cơ cấu tổ chức, rà soát các quy định chuyên môn nghiệp vụ, tạo cơ sở thực hiện cho các đơn vị trực thuộc;
- Đề nghị điều chỉnh, bổ sung, xây dựng mới các văn bản quản lý nội bộ;
- Kiến nghị HĐQT, Ban TGD xem xét quyết liệt, tập trung nghiên cứu đầu tư các công trình cấp bách nhằm đảm bảo an toàn cấp nước cho khách hàng trước diễn biến phức tạp của tình trạng xâm nhập mặn tại tỉnh Sóc Trăng.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2023, kính trình Đại hội đồng cổ đông có ý kiến và xem xét thông qua.

Trân trọng kính chào./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, Ban TGD;
- Ban kiểm soát;
- Lưu: HSBKS



Nguyễn Hoài Bảo Khánh

Số: 384/TTr-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TỜ TRÌNH

Thông qua Báo cáo tài chính của Công ty năm 2023 đã được kiểm toán

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng thông qua ngày 16/5/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT.NK24-29 ngày 12/6/2024 về việc triệu tập phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C;

Căn cứ công văn số 367/CV-CTHĐQT ngày 01/7/2024 của Chủ tịch HĐQT v/v lấy ý kiến HĐQT về dự thảo nội dung chương trình và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2024 và Biên bản tổng hợp ý kiến HĐQT số 12/2024/BB-TKPCN ngày 04/7/2024 của Tổ kiểm phiếu đối với công văn số 367/CV-CTHĐQT ngày 01/7/2024 của Chủ tịch HĐQT.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng năm 2023 đã được kiểm toán.

(Báo cáo được đăng tải ngày 22/3/2024 trên trang thông tin điện tử của Công ty tại địa chỉ <http://www.soctrangwaco.vn> tại mục Quan hệ cổ đông)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TLĐHĐCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Anh Hòa

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 385/TTr-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 8 tháng 7 năm 2024

TỜ TRÌNH

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng thông qua ngày 16/5/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT.NK24-29 ngày 12/6/2024 về việc triệu tập phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

Căn cứ công văn số 367/CV-CTHĐQT ngày 01/7/2024 của Chủ tịch HĐQT v/v lấy ý kiến HĐQT về dự thảo nội dung chương trình và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2024 và Biên bản tổng hợp ý kiến HĐQT số 12/2024/BB-TKPCN ngày 04/7/2024 của Tổ kiểm phiếu đối với công văn số 367/CV-CTHĐQT ngày 01/7/2024 của Chủ tịch HĐQT.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2024 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng như sau:

1. Sản lượng nước thương phẩm: 23.200.000 m³.
2. Tổng doanh thu: 227.000.000.000 đồng.
3. Lợi nhuận: 40.000.000.000 đồng.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TLĐHĐCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Anh Hòa

TỜ TRÌNH

Về việc quyết toán thù lao năm 2023 và Kế hoạch thù lao năm 2024
của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng thông qua ngày 16/5/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 29/6/2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT.NK24-29 ngày 12/6/2024 về việc triệu tập phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

Căn cứ công văn số 367/CV-CTHĐQT ngày 01/7/2024 của Chủ tịch HĐQT v/v lấy ý kiến HĐQT về dự thảo nội dung chương trình và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2024 và Biên bản tổng hợp ý kiến HĐQT số 12/2024/BB-TKPCN ngày 04/7/2024 của Tổ kiểm phiếu đối với công văn số 367/CV-CTHĐQT ngày 01/7/2024 của Chủ tịch HĐQT.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết toán thù lao năm 2023 và kế hoạch mức thù lao năm 2024 của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng như sau:

1. Thực hiện năm 2023

1.1. Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát Công ty năm 2023 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 như sau:

- Hội đồng quản trị: 0,6% trên Tổng doanh thu.

- Ban Kiểm soát: 0,3% trên Tổng doanh thu.

1.2. Quyết toán thù lao thành viên Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát năm 2023 như sau:

- Hội đồng quản trị: 1.314.998.824 đồng (Một tỷ, ba trăm mười bốn triệu, chín trăm chín mươi tám ngàn, tám trăm hai mươi bốn đồng)

- Ban kiểm soát: 657.499.412 đồng (Sáu trăm năm mươi bảy triệu, bốn trăm chín mươi chín ngàn, bốn trăm mười hai đồng)

2. Kế hoạch thù lao năm 2024

Đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua Kế hoạch chi trả thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát năm 2024 như sau:

- Hội đồng quản trị: 0,6% trên Tổng doanh thu.

- Ban Kiểm soát: 0,3% trên Tổng doanh thu.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TLĐHĐCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Anh Hòa

Số: 387/TTr-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TỜ TRÌNH

V/v phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng thông qua ngày 16/5/2024;

Căn cứ Nghị quyết 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 16/5/2024 của Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2024 (lần thứ 2) của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT.NK24-29 ngày 12/6/2024 về việc triệu tập phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

Căn cứ công văn số 367/CV-CTHĐQT ngày 01/7/2024 của Chủ tịch HĐQT v/v lấy ý kiến HĐQT về dự thảo nội dung chương trình và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2024 và Biên bản tổng hợp ý kiến HĐQT số 12/2024/BB-TKPCN ngày 04/7/2024 của Tổ kiểm phiếu đối với công văn số 367/CV-CTHĐQT ngày 01/7/2024 của Chủ tịch HĐQT.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2023 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2024 của Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng như sau:

I. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2023

Stt	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Tỷ lệ
	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Đồng	50.501.586.964	
1	Trích quỹ đầu tư phát triển	Đồng	15.150.476.089	30,00%
2	Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (tương đương 2,5 tháng lương thực hiện của người lao động năm 2023)	Đồng	8.057.661.595	15,96%
3	Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành (tương đương 1,5 tháng lương, thù lao thực hiện của Ban điều hành năm 2023)	Đồng	532.074.480	1,05%
4	Chia cổ tức	Đồng	26.761.374.800	52,99%

Hình thức chi trả cổ tức: Nhận tiền mặt tại Công ty hoặc chuyển khoản

II. Kế hoạch phối lợi nhuận năm 2024:

1. Chia cổ tức: Tối đa bằng 53% Lợi nhuận.
2. Trích các quỹ tối đa bằng 47% Lợi nhuận, trong đó:
 - Trích quỹ đầu tư phát triển: 30% Lợi nhuận;
 - Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi: 16% Lợi nhuận (tối đa không quá 03 tháng lương bình quân thực hiện của người lao động Công ty năm 2024);
 - Trích quỹ khen thưởng Ban điều hành: 1% Lợi nhuận (tối đa không quá 1,5 tháng lương, thù lao bình quân thực hiện của Người quản lý, điều hành Công ty năm 2024).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TLĐHĐCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Anh Hòa

2. Khoan giếng khai thác, trị giá: 15.770.000.000 đồng, gồm:

- Khoan 02 giếng tầng sâu tại Nhà máy nước Khu công nghiệp, trị giá 7.000.000.000 đồng;
- Khoan 01 giếng tầng sâu tại Xí nghiệp cấp nước Mỹ Xuyên, trị giá 3.500.000.000 đồng;
- Khoan 01 giếng tầng sâu thay thế giếng 8A tại Xí nghiệp cấp nước Nguyễn Chí Thanh, trị giá 3.500.000.000 đồng;
- Khoan 01 giếng tầng nông tại Xí nghiệp cấp nước Mỹ Tú, trị giá 885.000.000 đồng;
- Khoan 01 giếng tầng nông tại Xí nghiệp cấp nước Vĩnh Châu, trị giá 885.000.000 đồng.

3. Mở rộng đường ống cấp nước, trị giá: 12.533.475.000 đồng, gồm:

- Mở rộng tuyến ống cấp nước Quốc lộ Nam Sông Hậu, đoạn nối liền thị trấn Long Phú và xã Long Đức, chiều dài 6.700m, trị giá 4.347.317.000 đồng;
- Mở rộng tuyến ống cấp nước đường tỉnh 934B, nối liền Trần Đề và Lịch Hội Thượng, chiều dài 5.060m trị giá 3.498.524.000 đồng;
- Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường Quản lộ Phụng Hiệp, đoạn từ cầu Tư Bí đến Nhà xe Cờng, phường 1, thị xã Ngã Năm, chiều dài 2.971m, trị giá 1.277.034.000 đồng;
- Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường tỉnh 937B, thị trấn Hưng Lợi, huyện Thạnh Trị, chiều dài 3.486m, trị giá 1.468.081.000 đồng;
- Cải tạo sửa chữa tuyến ống cấp nước đường ấp 1, ấp Rẫy Mới, ấp Giồng Chùa, thị trấn Phú Lộc đến thị trấn Hưng Lợi, chiều dài 4.716m, trị giá 1.942.519.000 đồng.

II. Các dự án, công trình mới đề nghị thực hiện năm 2024:

1. Đầu tư xây dựng, cải tạo các công trình cấp nước và giếng khoan khai thác, bao gồm:

a) Đầu tư xây dựng cụm xử lý nước mặt công suất 10.000 m³/ngày đêm tại hẻm 930 (đường Chùa Phú Túc), Phường 2 – Tp.ST (giai đoạn 1: công suất 5.000 m³/ngày đêm)

- Giá trị khái toán: 39.700.000.000 đồng
- Giai đoạn đầu tư: 2024 – 2025

b) Đầu tư xây dựng Cụm xử lý nước ngầm công suất 2.900 m³/ngày đêm tại phường 5, thành phố Sóc Trăng (hướng đường Tôn Đức Thắng đi Trường Khánh).

- Giá trị khái toán: 17.500.000.000 đồng.
- Giai đoạn đầu tư: 2024 – 2025.

c) Đầu tư hệ thống xử lý Nhà máy nước Mỹ Xuyên 1 và Nhà máy nước Mỹ Xuyên 3.

- Giá trị khái toán: 6.400.000.000 đồng.
- Giai đoạn đầu tư: 2024.

2. Nguồn vốn đầu tư: Công ty cân đối nguồn vốn chủ sở hữu, vốn vay thương mại và các nguồn vốn khác.

3. Hình thức đầu tư: Bên cạnh việc đề xuất đầu tư các dự án, công trình nêu trên bằng nguồn vốn của doanh nghiệp và các nguồn vốn hợp pháp khác hoặc giải pháp đầu tư theo hình thức xã hội hóa. Công trình đầu tư sẽ được xem xét triển khai theo từng thời điểm tùy vào khả năng nguồn vốn có được, phù hợp với tình hình và nhu cầu thực tiễn.

Đại hội đồng cổ đông thông qua, ủy quyền và giao nhiệm vụ cho Hội đồng quản trị chủ động cân đối nguồn vốn chủ sở hữu, nguồn vốn từ các quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận chưa phân phối, vốn vay thương mại, vốn vay các tổ chức, cá nhân và các nguồn vốn khác để quyết định phương án, chủ trương đầu tư, quy mô, giá trị, tính chất, công suất và các nội dung khác liên quan trong quá trình thực hiện các công trình, dự án đầu tư chuyển tiếp từ 2023 sang năm 2024, kế hoạch năm 2024, các dự án kêu gọi đầu tư, hợp tác đầu tư và các dự án, lĩnh vực đầu tư khác theo từng thời điểm tùy vào khả năng nguồn vốn có được, phù hợp với tình hình và nhu cầu thực tiễn. Về trình tự, thủ tục đầu tư thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Trong quá trình thực hiện các nhiệm vụ nêu trên, Hội đồng quản trị có quyền:

- Quyết định các nội dung trong phạm vi nhiệm vụ được ủy quyền và giao nhiệm vụ;

- Thực hiện và/hoặc chỉ đạo, phân công, giao nhiệm vụ và ủy quyền cho các đơn vị, cá nhân liên quan: Thực hiện các công việc cần thiết, phù hợp quy định pháp luật; Ký các văn bản, giấy tờ, tài liệu có liên quan; Làm việc với cơ quan có thẩm quyền và các bên liên quan; Thực hiện mọi công việc và thủ tục cần thiết khác để triển khai nhiệm vụ được giao và ủy quyền, phù hợp với quy định pháp luật.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: VT, TLĐHĐCĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Anh Hòa



Số: 329./TTr-BKS

Sóc Trăng, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2024

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Luật doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 16/05/2024;

Căn cứ Biên bản họp số 02 /BB-BKS ngày 20/06/2024 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

Để đảm bảo hoạt động của Công ty Cổ phần cấp nước Sóc Trăng (Công ty) phù hợp với các quy định của pháp luật, Ban Kiểm Soát (BKS) kính trình Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) thường niên năm 2024 thông qua việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính (BCTC) Công ty trong năm tài chính 2024 như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập

Đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán BCTC của công ty trong năm tài chính 2024 phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:

- Là đơn vị kiểm toán độc lập, có chức năng kiểm toán BCTC của công ty cổ phần đại chúng quy mô lớn và công ty niêm yết trên sàn chứng khoán theo quy định của pháp luật;
- Không xung đột về lợi ích khi thực hiện kiểm toán BCTC của công ty;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý, phù hợp với nội dung, phạm vi và tiến độ kiểm toán theo yêu cầu của công ty.

2. Đề xuất của Ban kiểm soát

Trên cơ sở các tiêu chí lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập tại mục 1, BKS đề xuất chọn đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C làm đơn vị cung cấp dịch vụ kiểm toán BCTC Công ty trong năm tài chính 2024.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HS, ĐHĐCĐ.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Hoài Bảo Khánh

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Số: 390/TTr-HĐQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sóc Trăng, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế nội bộ về quản trị của Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng thông qua ngày 16/5/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT.NK24-29 ngày 12/6/2024 về việc triệu tập phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

Căn cứ công văn số 367/CV-CTHĐQT ngày 01/7/2024 của Chủ tịch HĐQT v/v lấy ý kiến HĐQT về dự thảo nội dung chương trình và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2024 và Biên bản tổng hợp ý kiến HĐQT số 12/2024/BB-TKPCN ngày 04/7/2024 của Tổ kiểm phiếu đối với công văn số 367/CV-CTHĐQT ngày 01/7/2024 của Chủ tịch HĐQT.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

Nội dung chi tiết được thể hiện trong Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được đính kèm theo Tờ trình được gửi kèm theo tài liệu Đại hội và công bố trên trang thông tin điện tử công ty <http://www.soctrangwaco.vn>.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HS, ĐHĐCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Anh Hòa

DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Đính kèm theo Tờ trình số 390/TTTr-HĐQT ngày 17/7/2024 của Hội đồng quản trị Công ty)

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được thông qua tại phiên họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 16/5/2024;

Căn cứ Nghị quyết số/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng, bao gồm các nội dung sau:

CHƯƠNG I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người có liên quan.

CHƯƠNG II

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Mục 1. Quy định chung

Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty cổ phần.

2. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Thông qua định hướng phát triển của công ty;
- b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
- đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
- e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm và các báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
- h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
- i) Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
- k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- l) Phê duyệt quy chế quản trị nội bộ; quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
- m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định lựa chọn công ty kiểm toán để kiểm toán báo cáo tài chính;
- n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm 01 (một) lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
- b) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 Điều lệ công ty;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- đ) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại theo quy định tại điểm b hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này.

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

5. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều lệ công ty.

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại phát sinh cho công ty.

6. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ công ty có quyền đại diện công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Điều này.

7. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Điều lệ này;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

8. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại các khoản 4, 5 và 6 của Điều này sẽ được công ty hoàn lại.

Điều 4. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi

thông tin sai lệch hoặc bổ sung thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông. Người quản lý công ty phải cung cấp kịp thời thông tin trong sổ đăng ký cổ đông, sửa đổi, bổ sung thông tin sai lệch theo yêu cầu của cổ đông; chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh do không cung cấp hoặc cung cấp không kịp thời, không chính xác thông tin sổ đăng ký cổ đông theo yêu cầu. Trình tự, thủ tục yêu cầu cung cấp thông tin trong sổ đăng ký cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Công ty phải thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc phiên họp. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông, thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp.

2. Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty và đăng báo hàng ngày của trung ương hoặc địa phương, khi xét thấy cần thiết.

3. Thông báo mời họp phải được gửi kèm theo các tài liệu sau đây:

a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

b) Phiếu biểu quyết;

c) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp.

4. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi tài liệu họp theo thông báo mời họp quy định tại khoản 3 Điều này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu và công ty phải gửi tài liệu họp cho cổ đông nếu cổ đông yêu cầu.

Điều 7. Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định thời hạn khác. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

3. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 2 Điều này;

- b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- c) Trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 8. Việc ủy quyền cho người đại diện họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều này.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền và số lượng cổ phần được ủy quyền. Cá nhân, tổ chức được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.

3. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các hình thức sau: đăng ký trực tiếp, gửi thư hoặc thư điện tử hoặc hình thức khác cho Công ty trước thời hạn ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị quyết định cách thức đăng ký cụ thể, đảm bảo thuận lợi nhất cho các cổ đông trong việc đăng ký tham dự và thông báo đến các cổ đông khi thông báo triệu tập họp.

Điều 10. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ 01 (một) không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ 02 (hai) trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ 01. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết.

3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ 02 (hai) không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ 03 (ba) trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ 02. Trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của

các cổ đông dự họp.

4. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu

1. Cách thức bỏ phiếu được thực hiện dưới hai hình thức: Biểu quyết giờ phiếu và bỏ phiếu kín. Ban kiểm phiếu do đại hội bầu theo đề nghị của Chủ tọa, hoặc do các cổ đông giới thiệu.

2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu có trách nhiệm kiểm phiếu và chuyển cho Thư ký đại hội công bố công khai tại thời điểm kiểm phiếu xong.

2. Đối với hình thức biểu quyết bằng phiếu kín: Ban kiểm phiếu có trách nhiệm thu phiếu biểu quyết, kiểm phiếu, lập biên bản, công bố kết quả sau khi các thành viên Ban kiểm phiếu ký tên vào biên bản. Số phiếu biểu quyết phải được niêm phong và lưu giữ tại công ty. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của kết quả kiểm phiếu.

Điều 14. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về các nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;

đ) Tổ chức lại, giải thể công ty.

2. Các nghị quyết còn lại được thông qua khi được số cổ đông sở hữu từ 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty.

Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử quy định.

4. Trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông sở hữu từ 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành.

5. Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nghị quyết được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Điều 15. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng quy định.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 16. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải bao gồm có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

c) Chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;

đ) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

e) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

i) Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung

theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

3. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 17. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.

Mục 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Điều 18. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất 10 (mười ngày) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Việc lập danh sách cổ đông gửi phiếu lấy ý kiến thực hiện theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 4 của Quy chế này. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích lấy ý kiến;

c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

e) Thời hạn phải gửi về công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền lấy ý kiến cổ đông;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

a) Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý công ty.

Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

đ) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của công ty, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin

điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Mục 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Điều 20. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy chế do Hội đồng quản trị xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi triển khai thực hiện.

CHƯƠNG III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Mục 1. Quy định chung

Điều 21. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 23 Điều lệ công ty;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư của công ty, trừ những dự án đầu tư thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác, trừ các hợp đồng giao dịch thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng công ty và cán bộ quản lý khác; Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm bất

kể chức vụ quản lý của bất kỳ cá nhân nào khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của những người do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, ký hợp đồng; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác và quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó; chỉ định, bãi nhiệm đại diện thương mại, Luật sư của công ty, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của họ;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hàng năm lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể, yêu cầu phá sản công ty;

q) Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 (năm) thành viên.

2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

Điều 23. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được phép thành lập và quản lý doanh nghiệp quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

3. Thành viên Hội đồng quản trị của công ty có thể là thành viên Hội đồng quản trị công ty khác nhưng thành viên Hội đồng quản trị của một công ty đại chúng chỉ được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị tại tối đa 05 (năm) công ty khác.

Điều 24. Đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông báo cho các cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng quản trị; đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông đề cử, ứng cử.

2. Nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị:

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên;
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 20% đến dưới 35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;
- c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 35% trở lên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác theo Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 25. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 14 của Quy chế này.

Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 của Quy chế này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp nhận.
- c) Thành viên Hội đồng quản trị là cổ đông, nhưng sau đó đã chuyển nhượng hết cổ phần của mình cho người khác;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện ủy quyền của cổ đông, nhóm cổ đông nhưng đã bị rút ủy quyền đại diện hoặc cổ đông, nhóm cổ đông đó đã chuyển nhượng hết cổ phần cho người khác.

2. Trường hợp Hội đồng quản trị lãnh đạo công ty hoạt động kinh doanh bị thua lỗ liên tục quá một nửa thời hạn của nhiệm kỳ thì sẽ bị miễn nhiệm toàn bộ các thành viên của nhiệm kỳ đó; Đại hội đồng cổ đông sẽ tiến hành họp để bầu lại toàn bộ số thành viên Hội đồng quản trị này theo trình tự thủ tục chung.

3. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định trong Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.
- d) Thành viên Hội đồng quản trị tham ô tài sản của công ty, cố ý làm trái quy định của pháp luật và Điều lệ công ty gây thiệt hại về tài sản, uy tín, thương hiệu của công ty.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (hơn 33%) so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba (hơn 33%);

b) Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 27. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị công ty phải được thông báo theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 28. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên trước khi bỏ phiếu.

2. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- c) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- d) Các lợi ích có liên quan tới công ty và các bên có liên quan của công ty (nếu có);
- đ) Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);

Điều 29. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên tán thành.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị.

Mục 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Điều 30. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị được trả theo quy định sau đây:

a) Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và tiền thưởng. Tổng mức thù lao, tiền thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên;

b) Thành viên Hội đồng quản trị được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

2. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Mục 4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

Điều 31. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn 01 (một) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 (một) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị. Nếu thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất không triệu tập cuộc họp đầu tiên theo thời gian nêu trên thì các thành viên còn lại sẽ cử một thành viên theo nguyên tắc đa số để triệu tập cuộc họp bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội đồng quản trị họp tại trụ sở chính của công ty hoặc ở nơi khác.

3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.

Điều 32. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị khi có một trong các trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Có đề nghị của Kiểm toán viên độc lập đang kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty.

Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 1 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

Điều 33. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp nếu Điều lệ công ty không có quy định khác. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc

của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

Điều 34. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư (từ 75%) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định Điều 31, Điều 32 của Quy chế này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành, nếu có hơn một nửa (hơn 50%) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 35. Cách thức biểu quyết

1. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại Điều 37 Quy chế này.
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

2. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 36. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

Trường hợp Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử hoặc hình thức khác thì được phép trưng dụng Tổ kiểm phiếu của công ty để lập biên bản tổng hợp ý kiến biểu quyết đối với từng vấn đề cần biểu quyết thông qua.

2. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

3. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.



Điều 37. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 38. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Điều 39. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều 38 Quy chế này thì biên bản vẫn có hiệu lực.

Điều 40. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Việc công bố nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật liên quan.

Mục 5. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Điều 41. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty.

Điều 42. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 01 (một) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại doanh nghiệp. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty.

Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.

Điều 44. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được thông báo theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 45. Quyền và nghĩa Người phụ trách quản trị công ty

1. Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:
 - a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - đ) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - e) Cung cấp các thông tin tài chính, biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - k) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
2. Tiền lương và quyền lợi khác của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định.

CHƯƠNG IV

BAN KIỂM SOÁT

Mục 1. Quy định chung

Điều 46. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 (sáu) tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản

lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ công ty.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 47. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

3. Trung thành với lợi ích của công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân

hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích khác mà Kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Mục 2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

Điều 48. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

1. Ban kiểm soát công ty có 03 (ba) thành viên. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Ban kiểm soát bầu 01 (một) người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành tài chính - kế toán trở lên và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

3. Trường hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

2. Không là nhân viên làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;

3. Không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc công ty;

4. Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc công ty;

5. Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty;

6. Khi công ty niêm yết cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán thì phải tuân thủ theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát

a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 35% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;

c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên.

2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên

hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác theo Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 51. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát

Việc bầu cử thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu quy định tại khoản 3 Điều 14 của Quy chế này.

Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 47 của Quy chế này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Thành viên Ban kiểm soát là người đại diện ủy quyền của cổ đông nhưng đã bị rút ủy quyền đại diện hoặc cổ đông được đại diện đó đã chuyển nhượng hết cổ phần cho người khác;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát quy định trong Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát công ty phải được thông báo theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 54. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Kiểm soát viên được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng và ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát;
2. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hàng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của công ty.

CHƯƠNG V

TỔNG GIÁM ĐỐC

Mục 1. Quy định chung

Điều 55. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Tổng Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
 - b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty;
 - d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty;
 - đ) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý khác trong công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị sau khi đã được Hội đồng quản trị thông qua phương án nhân sự cụ thể;
 - e) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - g) Tuyển dụng lao động;
 - h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - i) Được đề xuất nhân sự để Hội đồng quản trị xem xét cử/ bổ nhiệm đảm nhiệm các chức vụ quản lý cấp cao của công ty gồm: Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng công ty, Giám đốc công ty con, người đứng đầu chi nhánh, Trưởng văn phòng đại diện, người đại diện quản lý vốn đầu tư của công ty ở doanh nghiệp khác, Luật sư của công ty;
 - j) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông.
3. Tổng Giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và nghị quyết của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.

Mục 2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Điều 56. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

1. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện sau đây:
 - a) Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được phép thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Có trình độ đại học trở lên, am hiểu pháp luật;
 - c) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp (đã từng là thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng); không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của những doanh nghiệp làm ăn thua lỗ

liên tục 03 (ba) năm liên trước đó tính đến thời điểm được bổ nhiệm hoặc của những doanh nghiệp đã bị phá sản trong thời hạn 05 (năm) năm liền kể trước thời điểm bổ nhiệm.

Điều 57. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc có quyền đề cử ứng viên Tổng Giám đốc theo đúng tiêu chuẩn quy định tại Điều 56 Quy chế này.

Điều 58. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:

Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành.

Điều 59. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc công ty phải được thông báo theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 60. Tiền lương và quyền lợi khác của Tổng Giám đốc

Tiền lương và quyền lợi khác của Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

CHƯƠNG VI

CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Mục 1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Điều 61. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

Thực hiện theo quy định tại Mục 4 Chương III của Quy chế này.

Điều 62. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 63. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.

Thực hiện theo quy định tại Điều 32 Quy chế này và Điều lệ công ty.

Điều 64. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Báo cáo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị hàng quý và hàng năm về tình hình hoạt động và Báo cáo tài chính của công ty. Nội dung báo cáo bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh, kế hoạch kinh doanh cho thời gian tiếp theo (tài chính, tổ chức nhân sự, các hoạt động khác) và đề xuất, kiến nghị xin phê duyệt của Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Báo cáo tổng hợp hoặc kết luận của Tổng Giám đốc trong phiên họp giao ban hàng tháng về tình hình hoạt động, tài chính và vấn đề tổ chức hoạt động trong công ty.

3. Ngoài ra, Tổng Giám đốc phải báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng quản trị. Việc thực hiện các báo cáo trên phải được lập thành văn bản.

4. Báo cáo của Tổng Giám đốc phải trung thực chính xác, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về các nội dung trong các báo cáo.

Điều 65. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị và các vấn đề được Hội đồng quản trị phân cấp đồng thời có trách nhiệm báo cáo các nội dung đã thực hiện hoặc chưa thực hiện cũng như kết quả việc thực hiện khi Hội đồng quản trị yêu cầu.

Điều 66. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

Thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Mục 2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị, Thư ký và các người điều hành khác

Điều 67. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ

1. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc Người phụ trách quản trị, Thư ký và các người điều hành khác của công ty.

2. Trưởng Ban Kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ phân công của từng thành viên Ban kiểm soát.

3. Tiêu chí đánh giá hoạt động và xếp loại đánh giá theo quy định hiện hành của công ty.

Điều 68. Khen thưởng.

1. Dựa trên kết quả đánh giá tại Điều 67 của Quy chế này Tổng Giám đốc lập Kế hoạch trình Hội đồng quản trị phê chuẩn. Trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Chế độ khen thưởng của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát sẽ do Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định.

Điều 69. Xử lý vi phạm về quản trị công ty

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm pháp luật và quy định của công ty thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của công ty. Nếu những hành vi vi phạm gây thiệt hại đến lợi ích của công ty, lợi ích của cổ đông thì phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 70. Bổ sung, sửa đổi Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường hợp giữa Quy chế này và Điều lệ Công ty có mâu thuẫn theo chiều hướng

loại trừ nhau thì các quy định của Điều lệ Công ty được lựa chọn để áp dụng trừ quy định tại khoản 3 Điều này.

3. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc Điều lệ Công ty thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 71. Ngày hiệu lực

1. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng bao gồm 71 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2024

2. Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được ban hành trước đây sẽ hết hiệu lực kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành./.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

MỤC LỤC

CHƯƠNG I	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
CHƯƠNG II	1
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	1
Mục 1. Quy định chung	1
Điều 2. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông	1
Mục 2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	2
Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông	2
Điều 4. Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp	3
Điều 5. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 6. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 7. Chương trình, nội dung cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	4
Điều 8. Việc ủy quyền cho người đại diện họp Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 10. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	5
Điều 11. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	6
Điều 12. Cách thức bỏ phiếu	6
Điều 13. Cách thức kiểm phiếu và thông báo kết quả kiểm phiếu	6
Điều 14. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua	6
Điều 15. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 16. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	7
Điều 17. Công bố nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông	8
Mục 3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	8
Điều 18. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản	8
Điều 19. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản	8
Mục 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	10
Điều 20. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến	10
CHƯƠNG III	10
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	10
Mục 1. Quy định chung	10
Điều 21. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị	10
Mục 2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 22. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị	11

Điều 23. Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị	11
Điều 24. Đề cử, ứng cử vào Hội đồng quản trị.....	11
Điều 25. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị	12
Điều 26. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay đổi và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị.....	12
Điều 27. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ...	13
Điều 28. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Điều 29. Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị	13
Mục 3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.....	13
Điều 30. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	13
Mục 4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị	14
Điều 31. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo tháng/quý/năm	14
Điều 32. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường	14
Điều 33. Thông báo họp Hội đồng quản trị và quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát	14
Điều 34. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị.....	15
Điều 35. Cách thức biểu quyết	15
Điều 36. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị	15
Điều 37. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị ...	16
Điều 38. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị	16
Điều 39. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị	16
Điều 40. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị	16
Mục 5. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....	16
Điều 41. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty	16
Điều 42. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty	17
Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....	17
Điều 44. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty.....	17
Điều 45. Quyền và nghĩa Người phụ trách quản trị công ty.....	17
CHƯƠNG IV	17
BAN KIỂM SOÁT.....	17
Mục 1. Quy định chung.....	17
Điều 46. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	17
Điều 47. Trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.....	18
Mục 2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát.....	19
Điều 48. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát.....	19
Điều 49. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát.....	19
Điều 50. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát.....	19
Điều 51. Cách thức bầu thành viên Ban kiểm soát.....	20
Điều 52. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát.....	20
Điều 53. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát	20
Điều 54. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát.....	20

CHƯƠNG V.....	20
TỔNG GIÁM ĐỐC.....	20
Mục 1. Quy định chung.....	20
Điều 55. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc.....	21
Mục 2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc.....	21
Điều 56. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc.....	21
Điều 57. Ứng cử, đề cử Tổng Giám đốc.....	22
Điều 58. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng lao động, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc:	22
Điều 59. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc.....	22
Điều 60. Tiền lương và quyền lợi khác của Tổng Giám đốc.....	22
CHƯƠNG VI	22
CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC.....	22
Mục 1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc..	22
Điều 61. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.....	22
Điều 62. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc.....	22
Điều 63. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị.....	22
Điều 64. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao.....	22
Điều 65. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc	23
Điều 66. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên	23
Mục 2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, Người phụ trách quản trị, Thư ký và các người điều hành khác	23
Điều 67. Đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ	23
Điều 68. Khen thưởng.	23
Điều 69. Xử lý vi phạm về quản trị công ty	23
CHƯƠNG VII.....	23
TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	23
Điều 70. Bổ sung, sửa đổi Quy chế	23
Điều 71. Ngày hiệu lực	24

CÔNG TY CP CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 391./TTr-HĐQT

Sóc Trăng, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng thông qua ngày 16/5/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 11/NQ-HĐQT.NK24-29 ngày 12/6/2024 về việc triệu tập phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024;

Căn cứ công văn số 367/CV-CTHĐQT ngày 01/7/2024 của Chủ tịch HĐQT v/v lấy ý kiến HĐQT về dự thảo nội dung chương trình và tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty năm 2024 và Biên bản tổng hợp ý kiến HĐQT số 12/2024/BB-TKPCN ngày 04/7/2024 của Tổ kiểm phiếu đối với công văn số 367/CV-CTHĐQT ngày 01/7/2024 của Chủ tịch HĐQT.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

Nội dung chi tiết được thể hiện trong Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị đính kèm theo Tờ trình được gửi kèm theo tài liệu Đại hội và công bố trên trang thông tin điện tử công ty <http://www.soctrangwaco.vn>.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HS, ĐHCĐ.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Trần Anh Hòa

DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY
(Đính kèm theo Tờ trình số 331/TT-Tr-HĐQT ngày 08/7/2024 của Hội đồng quản trị Công ty)

**QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG**

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng thông qua ngày 16/5/2024;

Căn cứ Nghị quyết số .../2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng Giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Quyết định chiến lược phát triển của Công ty.
2. Kiến nghị loại cổ phần và cổ phần được quyền chào bán.
3. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán, quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.
4. Quyết định phương án đầu tư đối với các dự án đầu tư được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Hội đồng quản trị quyết định đầu tư các dự án dưới 35% tài sản và được duyệt các dự toán, thiết kế và quyết toán công trình đầu tư đã thông qua Đại hội đồng cổ đông.
5. Quyết định giải pháp thị trường, tiếp thị công nghệ, thông qua hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác trước khi Ban Tổng Giám đốc triển khai thực hiện.
6. Quyết định về việc bán các tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Công ty.
7. Bổ nhiệm, miễn nhiệm và ký hợp đồng với Tổng giám đốc và các cán bộ quản lý bao gồm Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh thuộc quyền quản lý của Hội đồng quản trị theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ.
8. Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
9. Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các giấy chứng nhận quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước.
10. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, tổ chức việc chi trả cổ tức.
11. Quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần đã bán trong 12 (mười hai) tháng theo từng loại cổ phần đã bán ra, các trường hợp khác do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
12. Hội đồng quản trị có thể đình chỉ các quyết định của Tổng giám đốc nếu thấy trái pháp luật, vi phạm điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Hoặc theo báo cáo đề nghị của Ban Kiểm soát (nếu có).
13. Chịu trách nhiệm về những vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ công ty và những sai phạm trong quản lý gây thiệt hại cho Công ty, mà Hội đồng quản trị quyết định thì Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trong phạm vi quyền hạn của mình.
14. Các quyền hạn và nhiệm vụ khác thực hiện theo Điều lệ Công ty hoặc do Đại hội đồng cổ đông giao trên cơ sở tuân thủ Pháp luật.
15. Hội đồng quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

Điều 4. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền hạn và trách nhiệm cao nhất trong Hội đồng quản trị trong việc tổ chức và giám sát thực thi các quyền hạn, trách nhiệm của Hội đồng quản trị.
2. Ngoài ra, Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau :

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị đi vắng thì có thể ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị điều khiển cuộc họp của Hội đồng quản trị;

b) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết nghị, quyết định trên cơ sở các nghị quyết đã được Hội đồng quản trị thông qua và các văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị để thực hiện trong nội bộ Công ty;

c) Thay mặt Hội đồng quản trị ký giấy chứng nhận vốn góp (hoặc cổ phiếu) của cổ đông, các văn bản liên quan đến vốn, chủ sở hữu gửi các cơ quan chức năng;

d) Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị và quyết định những vấn đề khác do Hội đồng quản trị ủy nhiệm;

đ) Có quyền yêu cầu Tổng giám đốc và các bộ phận chức năng của Công ty tìm hiểu, nghiên cứu và cung cấp các thông tin cần thiết phục vụ cho việc ra nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền;

e) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị phụ trách theo các lĩnh vực hoạt động;

g) Các quyền hạn và trách nhiệm khác của Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp;

Điều 5. Thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị muốn từ nhiệm chức danh hoặc cổ đông pháp nhân muốn thay thế người đại diện của mình đang giữ chức Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị phải có đơn hoặc văn bản gửi đến Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị sẽ xem xét và quyết định việc từ nhiệm trong thời gian 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày nhận được đơn hoặc văn bản. Đối với vai trò Người đại diện vốn Nhà nước là thành viên của Hội đồng quản trị thì căn cứ vào văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện.

Điều 6. Ủy quyền tham dự phiên họp Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp thực thi nhiệm vụ. Khi không thể tham gia dự các cuộc họp Hội đồng quản trị vì có lý do chính đáng, thành viên Hội đồng quản trị có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác tham dự.

2. Người được ủy quyền thay mặt thành viên đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị Công ty tại phiên họp theo những nội dung cụ thể của giấy ủy quyền. Người được ủy quyền chỉ được tham gia đóng góp ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết.

Điều 7. Ngoài quyền tham gia quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều 43 Điều lệ Công ty, thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm vụ sau

1. Tham dự các phiên họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nội dung phiên họp, chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông và trước Hội đồng quản trị đối với những ý kiến của mình.

2. Tuân thủ các quy định về Hội đồng quản trị của Quy chế này, cộng tác tích cực cùng Hội đồng quản trị theo đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty và các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Thực hiện các Quyết định, Nghị quyết của Hội đồng quản trị có liên quan

đến từng thành viên và chấp nhận sự phân công, phân nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 8. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- c) Thời gian, địa điểm họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản vẫn có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

6. Các Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị hoặc các văn bản khác trình Hội đồng quản trị được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn, trong thời hạn 03 ngày làm việc các thành viên Hội đồng quản trị phải có ý kiến biểu quyết, nếu quá thời hạn quy định thành viên Hội đồng quản trị không trả lời xem như không có ý kiến.

Điều 9. Chi phí hoạt động và tiền lương của Hội đồng quản trị

1. Chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị bao gồm: Chi phí hoạt động của văn phòng Hội đồng quản trị, chi phí tổ chức các phiên họp, công tác phí ngoại tỉnh, chi phí tiếp khách, chi phí đi công tác nước ngoài, chi phí tiền lương và các chi phí khác phục vụ cho công việc của Công ty sẽ được tính vào chi phí chung của Công ty trên cơ sở hợp lý và có hoá đơn chứng từ hợp lệ theo nguyên tắc kế toán tài chính của Công ty.

2. Đại hội cổ đông quyết định chế độ thù lao, tiền lương cho các thành viên Hội đồng quản trị theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 10. Phân cấp quyền hạn cho Tổng giám đốc

1. Trên cơ sở quyền hạn của mình, Hội đồng quản trị phân cấp cho Tổng giám đốc các quyền hạn cần thiết để điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty và thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

2. Trong quá trình điều hành hoạt động sản xuất kinh, đối với các vấn đề ngoài thẩm quyền, Tổng giám đốc gửi văn bản trình Hội đồng quản trị để xin ý kiến phê duyệt bằng văn bản, thư điện tử hoặc hình thức khác do Hội đồng quản trị lựa chọn, trong thời hạn 03 ngày làm việc các thành viên Hội đồng quản trị phải có ý kiến biểu quyết, nếu quá thời hạn quy định thành viên Hội đồng quản trị không trả lời xem như không có ý kiến.

3. Trường hợp theo quy định tại khoản 2 Điều này, căn cứ kết quả trả lời của các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc thành lập Tổ kiểm phiếu tổng hợp ý kiến của trả lời của từng thành viên Hội đồng quản trị để làm cơ sở triển khai thực hiện. Cơ cấu thành phần Tổ kiểm phiếu từ 03-05 người gồm Ban Tổng giám đốc, Ban Thư ký, đại diện Ban kiểm soát chứng kiến.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Hiệu lực thi hành

1. Trường hợp giữa Quy chế này, Điều lệ Công ty và các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của Hội đồng quản trị có mâu thuẫn theo chiều hướng loại trừ nhau thì các quy định của Điều lệ Công ty, các văn bản pháp luật được lựa chọn để áp dụng.

2. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng bao gồm 11 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 08 năm 2024.

3. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được ban hành trước đây sẽ hết hiệu lực kể từ ngày Quy chế này có hiệu lực thi hành./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH

MỤC LỤC

Chương I.....	1
QUY ĐỊNH CHUNG	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị	1
Chương II	1
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	1
Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị	1
Điều 4. Quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	2
Điều 5. Thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị	3
Điều 6. Ủy quyền tham dự phiên họp Hội đồng quản trị	3
Điều 7. Ngoài quyền tham gia quyết định những vấn đề thuộc quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị quy định tại Điều 43 Điều lệ Công ty, thành viên Hội đồng quản trị có nhiệm vụ sau.....	3
Điều 8. Cuộc họp Hội đồng quản trị.....	4
Điều 9. Chi phí hoạt động và tiền lương của Hội đồng quản trị.....	4
Điều 10. Phân cấp quyền hạn cho Tổng giám đốc	5
Chương III.....	5
TỔ CHỨC THỰC HIỆN.....	5
Điều 11. Hiệu lực thi hành.....	5



Số: 392/TTr-BKS

Sóc Trăng, ngày 08 tháng 7 năm 2024

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;

Căn cứ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty thông qua ngày 16/5/2024;

Căn cứ Biên bản họp số 02/BB-BKS ngày 20/06/2024 của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng.

Nội dung chi tiết được thể hiện trong Phụ lục dự thảo Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát trị đính kèm theo Tờ trình được gửi kèm theo tài liệu Đại hội và công bố trên trang thông tin điện tử công ty <http://www.soctrangwaco.vn>.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, biểu quyết thông qua.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: HS, ĐHCĐ.

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Hoài Bảo Khánh

DỰ THẢO QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY

(Đính kèm theo Tờ trình số 392/TTr-BKS ngày 08/7/2024 của Ban kiểm soát)

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SÓC TRĂNG

Căn cứ Luật Chứng khoán số 24/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Sóc Trăng thông qua ngày 16/5/2024;

Căn cứ Nghị quyết số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông bất thường tổ chức ngày 16 tháng 5 năm 2024.

Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng ban hành Quy chế hoạt động bao gồm các nội dung sau:

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.

2. Được phép sử dụng con dấu của Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng khi ban hành các văn bản, báo cáo của Ban kiểm soát.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên, nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b) Không là nhân viên làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
- c) Không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc công ty;
- d) Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc công ty;

đ) Không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty;

e) Khi công ty niêm yết cổ phiếu trên Sàn giao dịch chứng khoán thì phải tuân thủ theo tiêu chuẩn quy định của pháp luật về chứng khoán.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát;
- c) Phân công nhiệm vụ cho từng Kiểm soát viên;
- d) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Ban kiểm soát triệu tập;
- đ) Ký các văn bản của Ban kiểm soát;
- e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Trưởng Ban kiểm soát phải tốt nghiệp đại học chuyên ngành tài chính - kế toán trở lên và phải làm việc chuyên trách tại công ty

3. Trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số quá bán.

4. Trưởng Ban kiểm soát có thể bị bãi miễn theo quyết định của Ban kiểm soát.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Nguyên tắc đề cử, ứng cử vào Ban kiểm soát:

- a) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 05% đến dưới 35% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 01 (một) ứng viên;
- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 35% đến dưới 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên;
- c) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 50% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên.

2. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định



của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử, ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế khác theo Quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc bầu cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí của quy chế bầu cử quy định

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 5 của Quy chế này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Kiểm soát viên là người đại diện ủy quyền của cổ đông nhưng đã bị rút ủy quyền đại diện hoặc cổ đông được đại diện đó đã chuyển nhượng hết cổ phần cho người khác;

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định trong Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm và 06 (sáu) tháng của công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên Đại hội đồng cổ đông. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ công ty.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 9 của Điều lệ công ty, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của người quản lý công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty thì phải thông báo ngay bằng văn bản với Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.

10. Có quyền sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông:

a) Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông;

c) Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

d) Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị;

đ) Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp;

e) Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết;

g) Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

h) Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động;

i) Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;

k) Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

l) Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

m) Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

n) Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

o) Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành.

2. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công

tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (*ba mươi*) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;

b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;

c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 (*hai*) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 (*hai phần ba*) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

1. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng.

2. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp.

3. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc đề trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% (năm mươi phần trăm) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.



Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

Việc công khai hóa lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của công ty và các giao dịch tương ứng của họ với công ty;
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và người quản lý khác thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Hội đồng quản trị công ty phải kê khai các lợi ích liên quan của họ với công ty, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ (*Cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, cha chồng, mẹ chồng, cha vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó*) làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;
3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:
 - a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;
 - b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của công ty;
 - c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai trong giờ làm việc;
 - d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem, trích lục và sao chép danh sách những người có liên quan của công ty và những nội dung khác một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục và sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định của công ty.
5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi

Chương VI

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Điều 20. Mỗi quan hệ với ban điều hành

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Cấp nước Sóc Trăng bao gồm 7 chương, 22 điều và có hiệu lực thi hành kể từ khi Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày tháng năm 2024.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

MỤC LỤC

Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng	1
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban	1

Chương II. THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Thành viên Ban kiểm soát	2
Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng Thành viên Ban kiểm soát	2
Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên Ban kiểm soát	2
Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát	3
Điều 7. Đề cử, ứng cử Thành viên Ban kiểm soát	3
Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát	5

Chương III. BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát	5
Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát	7
Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông	8

Chương IV. CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát	8
Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát	8

Chương V. BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm	8
Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác	9
Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan	10

Chương VI. MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa Thành viên Ban kiểm soát	11
Điều 20. Mối quan hệ với Ban điều hành	11
Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị	11

Chương VII. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 22. Hiệu lực thi hành	11
----------------------------------	----